

**CÔNG TY TNHH SƠN VÀ NỘI THẤT ABCONS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SƠN VÀ NỘI THẤT ABCONS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ABCONS INTERIOR AND PAINT  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108853412

**3. Ngày thành lập:** 05/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 17, ngách 5, ngõ 8 Lê Trọng Tấn, Tổ dân phố số 1, Phường La Khê, Quận Hà  
Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0848080333

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất<br>mực in và ma tít<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất sơn và vani, men, sơn mài;<br>- Sản xuất sơn matít;<br>- Sản xuất hợp chất dung môi hữu cơ dùng để pha chế sơn, vec<br>ni;<br>- Sản xuất dung môi tẩy rửa sơn, vec ni.<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất sơn và vani, men, sơn mài;<br>- Sản xuất sơn matít;<br>- Sản xuất hợp chất dung môi hữu cơ dùng để pha chế sơn, vec<br>ni;<br>- Sản xuất dung môi tẩy rửa sơn, vec ni. | 2022(Chính) |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sơn, vec ni<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.<br>- Bán buôn đồ gỗ xây dựng nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663        |
| 3.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2592        |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ<br>- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho văn phòng, phòng làm việc, khách sạn, nhà hàng, nơi công cộng và gia dụng;<br>- Sản xuất ghế xôfa, giường xôfa và bộ xôfa;<br>- Sản xuất đồ đạc văn phòng bằng gỗ<br>- Sản xuất đồ đạc gỗ cho phòng ngủ, phòng khách, vườn... | 3100 |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101 |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4211 |
| 9.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4212 |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4299 |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329 |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2599 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4653 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4669 |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                          | 4752 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                       | 4759 |
| 24. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1702 |
| 25. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2220 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4933 |
| 27. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1621 |
| 28. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1622 |
| 29. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4649 |
| 30. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1623 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                          | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/05/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 164171016

Ngày cấp: 08/06/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, Xã Gia Sinh, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 39, ngõ 7, Tổ 3, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/05/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 164171016

Ngày cấp: 08/06/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, Xã Gia Sinh, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 39, ngõ 7, Tổ 3, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội